TÒA ÁN NHÂN NHÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 223/2018/DS-PT
Ngày: 14 - 6 -2018
V/v tranh chấp: "Đòi quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Sum

Bà Nguyễn Thị Sâm Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Đỗ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 07 và 14 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2018/TLPT- DS ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp: "Đòi quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 121/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Văn L,** sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: N, A, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp: Bà **Nguyễn Minh Hoàng H**, sinh năm 1972

Địa chỉ: số M khu phố B, phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 11/5/2010) (có mặt).

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 **Lê Thị O,** sinh năm: 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

3.2 **Lê Thị L,** sinh năm: 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, Tiền Giang.

3.3 **Lê Thị X**, sinh năm: 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã S, huyện C, Tiền Giang.

3.4. **Lê Thị H,** sinh năm: 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

3.5. **Lê Thị X,** sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.6. **Lê Ngọc T,** sinh năm 1930 (chết)

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: **Lê Thị O, Lê Thị L, Lê Thị X, Lê Thị H, Lê Thị X**.

3.7**. Võ Thị N,** sinh năm 1937 (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Nguyễn Thị Bích V, sinh năm: 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.8**. Võ Văn T**, sinh năm: 1938 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

3.9**. Võ Thị L,** sinh năm: 1941 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

3.10**. Võ Thị H,** sinh năm: 1943 (vắng mặt).

Địa chỉ: số M, ấp T, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

3.11**. Võ Văn S,** sinh năm: 1945 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã Lo, huyện C, Tiền Giang.

3.12**. Võ Xuân T,** sinh năm: 1948 (vắng mặt).

Địa chỉ: số N, A, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.13**. Võ Văn L,** sinh năm: 1949 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.14**. Võ Thị Phương T,** sinh năm: 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: số M, V, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

3.15. **Huỳnh Thị H,** sinh năm: 1964 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

3.16. **Nguyễn Văn T,** sinh năm: 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

3.17. **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1986 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

3.18. **Nguyễn Văn N,** sinh năm: 1981 (có mặt).

3.19. **Lê Thị Hải V**, sinh năm: 1991 (xin vắng mặt).

3.20**. Nguyễn Minh T,** sinh năm: 2012

3.21**. Nguyễn Tuấn K,** sinh năm: 2014

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Minh T, Nguyễn Tuấn K: **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1981 và **Lê Thị Hải V**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

3.22. **Nguyễn Văn L,** sinh năm: 1952 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

3.23**. Nguyễn Thị N,** sinh năm: 1949 (xin vắng mặt).

Địa **c**hỉ: ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

3.24. **Nguyễn Văn T,** sinh năm: 1957 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

3.25. **Nguyễn Thị C,** sinh năm: 1965 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

3.26. **Nguyễn Thị D,** sinh năm: 1955 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Võ Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn Võ Văn L trình bày:***

Trước năm 1975, cha mẹ ông là ông Võ Văn T (chết năm 1997) và bà Nguyễn Thị H (chết năm 1967) có phần đất diện tích 26.911m^2 tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Khoảng năm 1973, ông Võ Văn T có cho ông Nguyễn Văn H là cha ông Nguyễn Văn Đ 600m^2 đất để cất nhà ở tạm. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn H canh tác và sử dụng luôn phần đất diện tích khoảng 6.000m^2 của ông T thuộc địa bộ 1248 nay là thửa đất số 1769. Đối với thửa đất này, ông Võ Văn T chưa có đăng ký kê khai và cũng không có bất kỳ giấy tờ chứng nhận nào về quyền sử dụng đất. Hiện tại gia đình ông chỉ có xác nhận của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và môi trường xác nhận thửa đất tranh chấp thuộc địa bộ của ông Võ Văn T, ngoài ra ông không còn giấy tờ nào khác để chứng minh. Sau đó, gia đình ông có yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả đất nhiều lần nhưng ông H không đồng ý trả lại. Năm 1992, Phòng Nông nghiệp huyện C phối hợp với UBND xã L giải quyết tranh chấp, tại buổi hòa giải ông Nguyễn Văn H đồng ý trả lại cho ông Võ Văn T 3.000m^2 đất và ông T phải bồi hoàn giá trị tài sản trên đất cho ông H. Ông Thạch cũng đồng ý nhưng ông H không thực hiện.

Năm 1997, ông Võ Văn T chết. Những người thừa kế của ông Võ Văn T gồm: Võ Thị B (đã chết 2015 người thừa kế gồm có chồng là Nguyễn Ngọc T (đã chết 2017) và các con Lê Thị O, Lê Thị L, Lê Thị X, Lê Thị X, Lê Thị H), Võ Thị N, Võ Văn T, Võ Thị L, Võ Thị H, Võ Văn S, Võ Xuân T, Võ Văn L, Võ Thị Phương T và Võ Văn L. Tất cả những người thừa kế của ông T đều thống nhất để lại toàn bộ diện tích đất cho ông Võ Văn L quản lý canh tác và tiếp tục tranh chấp đòi ông Nguyễn Văn H trả lại quyền sử dụng đất. Kể từ khi ông T chết, ông tiếp tục gởi đơn tranh chấp yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả lại

cho ông diện tích đất đã chiếm giữ nhưng ông H không chịu trả. Đến năm 2005, ông Nguyễn Văn H chết. Trước khi chết, ông Nguyễn Văn H đã giao lại toàn bộ diện tích đất đã chiếm của gia đình ông cho con là ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp quản lý, sử dụng. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án :

- Buộc ông Nguyễn Văn Đ và những người trực tiếp sống trên thửa đất ông H đã chiếm của ông T phải giao trả lại cho ông 1/2 diện tích thửa đất đã chiếm dụng, theo đo đạc thực tế là 1.862,5 m^2 thuộc một phần thửa đất số 1769, tờ bản đồ 3 tọa lạc ấp L, xã L nằm ở vị trí giáp ranh với ông Nguyễn Văn M (phần diện tích S1 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 20/9/2017) .

- Ông tự nguyện hoàn lại giá trị tài sản trên đất cho ông Nguyễn Văn Đ theo giá Hội đồng định đã quyết định ngày 20/9/2017.

**** Bị đơn Nguyễn Văn Đ trình bày:***

Nguồn gốc phần đất tranh chấp có diện tích khoảng 6.000m^2 do cha ông là ông Nguyễn Văn H cùng các anh chị của ông khai hoang từ năm 1968 và trực tiếp canh tác, sử dụng liên tục cho đến nay. Quá trình sử dụng đất, ông Nguyễn Văn H có đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo chỉ thị 299, nộp đầy đủ các khoản thuế theo quy định của Nhà nước và đã được Ủy nan nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ thửa số 634 diện tích 6.239m^2 ngày 25/11/1990. Năm 1997, Nhà nước yêu cầu nộp lại giấy chứng nhận QSDĐ để Ủy ban nhân dân huyện C cấp đổi lại giấy đỏ nhưng do ông Võ Văn L tranh chấp nên chưa cấp giấy chứng nhận QSDĐ được. Từ khi lớn lên, khoảng năm 1982 đến nay ông là người cùng với ông Nguyễn Văn H trực tiếp sử dụng thửa đất. Năm 2005, ông Nguyễn Văn H chết. Những người thừa kế của ông Nguyễn Văn H gồm: Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị D đều thống nhất giao lại toàn bộ thửa đất trên cho ông trực tiếp quản lý canh tác. Trên thửa đất tranh chấp gồm có: một căn nhà cột cây, máy tole thờ cúng ông Nguyễn Văn H do Nguyễn Văn N cùng vợ Lê Thị Hải V và hai con Nguyễn Minh T, Nguyễn Tuấn K đang sinh sống; một căn nhà kiên cố do ông (Nguyễn Văn Đ) cùng vợ Huỳnh Thị H và hai con Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L đang sinh sống; toàn bộ số cây trồng và tài sản trên đất do ông trực tiếp quản lý.

Ông Võ Văn L căn cứ vào việc ông Nguyễn Văn H đồng ý trả lại cho ông Võ Văn T 1/2 thửa đất diện tích 3.000m^2 từ năm 1992 để khởi kiện ông đòi lại diện tích 1.862,5m^2 quyền sử dụng đất là không có căn cứ. Do đó ông không đồng ý trả lại quyền sử dụng đất theo yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn L. Vì toàn bộ thửa đất này do gia đình ông khai hoang, sử dụng đất.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn T, Võ Thị L, Võ Văn S, Võ Văn L, Võ Thị H, Võ Xuân T, Võ Thị Phương T, Lê Thị O, Lê Thị L, Lê Thị X, Lê Thị H, Lê Thị X, Nguyễn Thị Bích V cùng trình bày*:**

Thống nhất thửa đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Võ Văn T từ trước năm 1973. Do chiến tranh nên phần đất này đã bị gia đình ông Nguyễn Văn H chiếm dụng, cất nhà ở trên đất và giao cho ông Nguyễn Văn Đ sử dụng cho đến nay. Nay các ông bà thống nhất giao toàn quyền cho ông Võ Văn L khởi kiện

yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ trả lại phần diện tích đất như ông L yêu cầu. Các ông bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì với ông Võ Văn L.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị D cùng trình bày:***

Nguồn gốc phần đất do cha của các ông bà là ông Nguyễn Văn H khai hoang, sản xuất từ năm 1968. Do chiến tranh, phần đất này bỏ hoang không có người quản lý canh tác. Khi lớn lên các ông bà đã cùng với ông H tiếp tục khai phá và trồng trọt trên phần đất này đồng thời cất nhà ở ổn định từ năm 1973 cho tới nay. Sau này các ông bà có gia đình ra ở riêng, phần đất này do ông Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Đ trực tiếp quản lý. Năm 2005, ông H chết, để lại căn nhà cột cây, máy tole cho cháu Nguyễn Văn N ở và thờ cúng ông bà. Phần còn lại giao toàn bộ cho ông Nguyễn Văn Đ quản lý sử dụng. Các ông bà thống nhất giao cho ông Nguyễn Văn Đ toàn quyền quản lý, sử dụng thửa đất trên; không đồng ý trả lại cho ông Võ Văn L 1/2 diện tích thửa đất như ông L yêu cầu.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T trình bày:***

Hiện nay các anh đang sống trên thửa đất tranh chấp cùng với ông Nguyễn Văn Đ. Theo các anh nguồn gốc phần đất do ông Nguyễn Văn H khai hoang từ năm 1968 và trực tiếp canh tác đến năm 2005 thì giao lại cho cha anh là ông Nguyễn Văn Đ sử dụng.Quá trình sử dụng, ông Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn Đ có thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với nhà nước; có đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo chủ trương của nhà nước và đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ từ năm 1990. Nay các anh thống nhất ý kiến của ông Nguyễn Văn Đ, không đồng ý trả lại cho ông Võ Văn L 1.862,5m^2 như ông L yêu cầu.

* ***Người có quyền, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị H, Nguyễn Thị L, Lê Thị Hải V không trình bày ý kiến đối với vụ án.***

Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 26, Điều 34, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 166 BLDS; Điều 18, 24, 48 Luật đất đai 1987; Điều 2, 4, 79 Luật đất đai 1993; Điều 95, 99, 100 Luật đất đai 2013; Điều 18, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định 201/CP ngày 01/07/1980 của Hội đồng chính phủ.

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí; Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Văn L: về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và những người trực tiếp sống trên thửa đất ông H đã chiếm của ông T, phải giao trả lại cho ông 1/2 diện tích thửa đất đã

chiếm dụng, theo đo đạc thực tế là 1.862,5 m^2 thuộc một phần thửa đất số 1769, tờ bản đồ 3 tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 01/02/2018 nguyên đơn Võ Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, yêu cầu Tòa án tỉnh Tiền Giang chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L và chị H đại diện ủy quyền của ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Phía ông Đ không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông L.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không có kiến nghị gì.

+ Về nội dung: Án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là có cơ sở. Bởi vì, ông Hợi đã được đứng tên sổ mục kê 299 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa trắng vào năm 1990 đúng theo quy định Điều 21, Nghị định 43 của Chính phủ, đúng trình tự theo Luật đất đai năm 1987. Mặc khác, ông Đ cũng đã sử dụng ổn định lâu dài. Tại phiên tòa ông L không cung cấp chứng cứ gì mới chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nêu trên. Xét thấy, sự vắng mặt các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Ông Võ Văn L khởi kiện cho rằng, trước giải phóng cha mẹ ông là cụ Võ Văn T (chết năm 1997) và cụ Nguyễn Thị H (chết năm 1967), có phần đất diện tích 26.911m^2 tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Khoảng năm 1973, cụ Võ Văn T có cho cụ Nguyễn Văn H là cha ông Nguyễn Văn Đ 600m^2 đất để cất nhà ở tạm. Tuy nhiên, cụ Nguyễn Văn H canh tác và sử dụng luôn phần đất diện tích khoảng 6.000m^2 của cụ T thuộc địa bộ 1248 nay là thửa đất số 1769. Năm 1992, Phòng Nông nghiệp huyện C phối hợp với UBND xã L giải quyết tranh chấp, tại buổi hòa giải cụ Nguyễn Văn H đồng ý trả lại cho cụ Võ Văn T 3.000m^2 đất và cụ T phải bồi hoàn giá trị tài sản trên đất cho cụ H, nhưng sau hòa giải phía cụ H không thực hiện nội dung biên bản hòa giải và tranh chấp kéo dài cho đến nay. Ông L yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và các thành viên sinh sống trên đất trả lại cho ông ½ diện tích là 1.862,5m^2 thửa đất 1769 (theo đo đạc thực tế). Theo ông Đ thì nguồn gốc đất do cha ông là cụ Nguyễn Văn H khai hoang vào năm 1968 và sử dụng cho đến nay. Cụ H là người thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, cụ H được đứng tên trong sổ mục kê 299. Đến năm 1990

cụ H đăng ký kê khai thửa 634 nay là thửa 1769 được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Nên không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của ông L.

[3] Với yêu cầu của các đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là chưa có cơ sở vững chắc. Tuy cụ H có nộp thuế, đứng tên trong sổ mục kê 299, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa trắng) năm 1990, nhưng năm 1992 cụ T và cụ H có tranh chấp và được chính quyền địa phương lúc bây giờ hòa giải. Tại biên bản hòa giải (bút lục 14-15), cụ H đồng ý trả lại cho cụ T ½ diện tích đất. Án sơ thẩm nhận định cho rằng biên bản hòa giải trên là bản photo và phía ông Đ không thừa nhận nên không có giá trị. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L cung cấp những lời khai của người chủ trì hòa giải và tham gia hòa giải như ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn văn D, ông Lê Hoàng H, ông Võ Tấn H hiện còn sống và xác nhận có sự việc trên. Án sơ thẩm chưa đối chất, xem xét lời khai của những người làm chứng trên là chưa đánh giá đầy đủ chứng cứ. Cần ghi lời khai làm rõ những người tham gia hòa giải tranh chấp đối với phần đất nào? Và làm rõ đất thuộc quyền sử dụng cụ H nhưng vì sao năm 1992 tại phần hòa giải và phần kết luận của Đ kiểm tra lại có ý chí của cụ H thể hiện trả lại ½ diện tích đất cho cụ T. Cần làm rõ, ngoài ông L, ông Đ đang tranh chấp thì còn tranh chấp với ai không để đưa vào tham gia tố tụng (tại tòa Phúc thẩm khai có một phần tranh chấp với ông Cao Phước H). Đồng thời, cấp sơ thẩm cần điều tra làm rõ công sức đóng góp, cải tạo đất của của ông Đ từ khi sử dụng đất cho đến nay. Do phát sinh tình tiết mới, để đảm bảo hai cấp xét xử, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần hủy án sơ thẩm để điều tra xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Do án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của ông L.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử hủy toàn bộ án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

[4] Về án phí: Ông L không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Án phí sơ thẩm sẽ được xem xét lại khi giải quyết vụ án.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 296, khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 18, 24, 48 Luật đất đai năm 1987; Điều 2, 4, 79 Luật đất đai năm 1993; Điều 95, 99, 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định 201/CP ngày 01/07/1980 của Hội đồng chính phủ.

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí; Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

2 Về án phí:

- Án phí phúc thẩm:

Hoàn lại ông Võ Văn L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 26884 ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 14 tháng 6 năm 2018, có mặt ông L, ông Đ, anh N, các đương sự còn lại vắng mặt./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

DSPT-2018-L

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn